TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2024/QĐST-DS	*Quận 3, ngày 30 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người là đã chết
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Ánh Phượng.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 445/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc "Tuyên bố một người là đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 675/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà TTPN – Sinh năm 1968 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: NX, Phường M1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà NTH, sinh năm 1943 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: NX, Phường M1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ông TBTĐ, sinh năm 1966 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ông TBKH, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: NX, Phường M1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Ông TBQV, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: NX, Phường M1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Ông TNKN, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: NX, Phường M1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo lời trình bày của người yêu cầu bà TTPN tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đề ngày 04/5/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Bà là con ruột của ông TVB (sinh năm 1939) và bà NTH (sinh năm 1943). Cha, mẹ bà kết hôn vào năm 1965 và sinh sống tại căn nhà CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, cha mẹ bà có tất cả 05 người con gồm: TBTĐ, sinh ngày 28/4/1966; TTPN, sinh ngày 02/8/1968; TBKH, sinh ngày 11/8/1970; TBQV, sinh ngày 28/01/1974; TNKN, sinh ngày 15/12/1975.

Vào năm 1984, cha mẹ bà ly hôn (theo Bản án sơ thẩm dân sự số 57/ST-LH ngày 27/7/1984 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi cha mẹ bà ly hôn, cha của bà là ông B đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 1984 cho đến nay không trở về nhà thăm anh chị em bà dù chỉ một lần. Sau đó, bà và người thân trong gia đình đã nhiều lần tìm kiếm, hỏi thăm họ hàng, bạn bè của ông nhưng đều không có tin tức gì.

Do bà đã mất liên lạc với ông B từ rất lâu và đến nay bà không có bất cứ thông tin gì về việc ông B còn sống. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật đối với cha của bà là ông B.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTH:

Bà có kết hôn với ông TVB (sinh năm 1939) vào ngày 02/8/1965 và ông bà cùng nhau sinh sống tại căn nhà CMTT, Phường M3 (nay là Phường M2), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, ông bà có tất cả 05 người con gồm: TBTĐ, sinh ngày 28/4/1966; TTPN, sinh ngày 02/8/1968; TBKH, sinh ngày 11/8/1970; TBQV, sinh ngày 28/01/1974; TNKN, sinh ngày 15/12/1975.

Từ năm 1975, giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông B thường xuyên rượu chè cờ bạc, đi sớm về khuya và không có trách nhiệm với vợ con. Vì vậy, bà và ông B đã quyết định ly hôn (theo Bản án sơ thẩm dân sự số 57/ST-LH ngày 27/7/1984 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi ly hôn, ông B đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 1984 cho đến nay không trở về nhà thăm các con dù chỉ một lần. Bà đã hoàn toàn mất liên lạc với ông B, bà cũng không nhận được bất cứ thông tin gì về việc ông B còn sống. Các con và người thân trong gia đình bà đã nhiều lần tìm kiếm, hỏi thăm họ hàng, bạn bè của ông B nhưng đều không có tin tức gì.

Hiện nay, con của bà là bà TTPN có nộp đơn yêu cầu Tòa tuyên bố ông TVB là đã chết, bà không có ý kiến gì. Mong Tòa án xem xét giải quyết và thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật.

Vì tuổi đã cao và sức khỏe không thuận tiện đi lại, bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa, kể cả phiên họp giải quyết việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông TVB.

Theo lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TBTĐ, ông TBKH, ông TBQV, ông TNKN:

Thống nhất với lời trình bày của bà TTPN và không có ý kiến gì khác. Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của bà TTPN yêu cầu Tòa án tuyên bố ông TVB, sinh năm 1939, là đã chết.

Do thống nhất với yêu cầu của bà N, các ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa, kể cả phiên họp giải quyết việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông TVB.

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu bà TTPN: Xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTH, ông TBTĐ, ông TBKH, ông TBQV, ông TNKN: Xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến tại phiên họp về thủ tục tố tụng và phân tích nội dung vụ việc: Căn cứ các lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân Quận 3 thu thập được cho thấy yêu cầu của bà TTPN là có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 chấp nhận đơn yêu cầu của bà N về việc tuyên bố ông TVB là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 3 nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà TTPN có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 tuyên bố ông TVB, sinh năm 1939, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là đã chết. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu "Tuyên bố một người là đã chết" nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2]. Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

[2.1]. Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 23/9/2024, người yêu cầu bà TTPN xác định: Vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự, căn cứ vào khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Người yêu cầu.

[2.2]. Tại các bản tự khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTH, ông TBTĐ, ông TBKH, ông TBQV, ông TNKN đều thống nhất với lời trình bày của người yêu cầu bà TTPN đồng thời họ đều xin giải quyết vắng mặt và không có ý kiến gì khác. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành giải quyết vắng mặt tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Tại kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện:

"1/. Ông TVB, sinh năm 1939, không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Theo Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 328396CN do Công an Quận 3 cấp ngày 20/3/1982 thể hiện ông TVB, sinh năm 1939, có mối quan hệ là chồng với bà NTH, sinh năm 1943 là chủ hộ căn nhà CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. "

Tại Văn bản số 1683/A08-P3 ngày 15/5/2024 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh trả lời Phiếu yêu cầu xác minh số 579/TAXM ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3 về việc xác minh tình trạng xuất nhập cảnh của đương sự, thể hiện: "Ông TVB, sinh năm 1939, địa chỉ tại CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện chưa có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh."

Qua lời trình bày của bà TTPN xác định: Ông TVB, sinh năm 1939 sau khi ly hôn với mẹ bà là bà NTH theo Bản án sơ thẩm dân sự số 57/ST-LH ngày 27/7/1984 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông B đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ đó cho đến nay không trở về nhà thăm anh chị em bà dù chỉ một lần. Sau đó, bà và người thân trong gia đình đã nhiều lần tìm kiếm, hỏi thăm họ hàng, bạn bè của ông B nhưng đều không có tin tức gì. Do bà đã mất liên lạc với ông B từ rất lâu và đến nay bà không có bất cứ thông tin gì về việc ông B còn sống nên bà yêu cầu Tòa tuyên bối ông B là đã chết.

Xét thấy, lời trình bày của các đương sự bà TTPN, bà NTH, ông TBTĐ, ông TBKH, ông TBQV, ông TNKN là phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản về việc xác minh thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh đối với ông TVB. Đồng thời đã hết thời hạn 04 *(Bốn)* tháng kể từ ngày bà N thực hiện việc đăng thông báo tìm kiếm ông TVB trên báo trung ương hàng ngày trong 03 *(Ba)* số liên tiếp (trên báo Lao động từ ngày 24/5/2024 đến ngày 29/5/2024) và trên Đài truyền hình của trung ương 03 *(Ba)* lần trong 03 *(Ba)* ngày liên tiếp (trên Đài Tiếng nói Việt Nam từ ngày 23/5/2024 đến ngày 25/5/2024) nhưng vẫn không có tin tức gì về ông B.

Như vậy có cơ sở để xác định ông TVB đã biệt tích trên 5 năm liền và không có tin tức xác thực là còn sống, không còn liên lạc với gia đình hoặc người thân từ ngày 27/7/1984 cho đến nay. Do đó, bà N yêu cầu tuyên bố ông B là đã chết, là có cơ sở để chấp nhận.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "Người có quyền, lợi ích liên quan có thể yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết trong trường hợp biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống; thời hạn này được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật này."

Theo quy định của khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "Thời hạn 02 năm được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về người đó; nếu không xác định được ngày có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có tin tức cuối cùng; nếu không xác định được

ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng.…”

Như vậy, ngày có tin tức cuối cùng của ông TVB chính là ngày 27/7/1984. Do đó, ngày chết của ông TVB được xác định là ngày 27/7/1989.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà TTPN phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 150; khoản 2, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372, 384, 385, 391, 392, 393 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 68, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà TTPN:

- Tuyên bố ông TVB, sinh năm 1939, có nơi cư trú cuối cùng tại CMTT, Phường M2, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là đã chết.

Ngày chết của ông B được tính từ ngày 27/7/1989.

- Khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, các quan hệ về hôn nhân, gia đình, tài sản và các quan hệ nhân thân khác của ông B được giải quyết như đối với một người đã chết. Tài sản của ông B được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà TTPN phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu số 0021099 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà TTPN, bà NTH, ông TBTĐ, ông TBKH, ông TBQV, ông TNKN có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 *(Mười)* ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo , niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

Trần Thị Ánh Phượng